

Số: 28 /QĐ-HĐQLQ

*Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2011*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về việc cho vay  
của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia**

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ  
QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

Căn cứ Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính phủ về thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2007/TTLT/BTC-BKHCN ngày 02/11/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;  
Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc cho vay của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ  
CHỦ TỊCH  
(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- Cơ quan điều hành Quỹ;
- Bộ KH&CN, Bộ Tài chính;
- Thành viên HĐQL;
- Ban KS Quỹ;
- Lưu VT.

**Lê Đình Tiến**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về việc cho vay của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-HĐQLQ ngày 5/10/2011 của Hội đồng quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia)*

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

Quy định này quy định về việc cho vay của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu, đổi mới và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội do các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, cá nhân (sau đây gọi tắt là bên vay) đề xuất.

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây hiểu như sau:

1. *Vốn vay* gồm vốn vay gốc và lãi vay phải trả;
2. *Thời hạn cho vay* là khoảng thời gian tính từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả hết vốn vay được thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn;
3. *Gia hạn nợ vay* là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng vay vốn;
4. *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ* là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian không quá 30 ngày trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng vay vốn;
5. *Thời hạn trả nợ* là thời gian từ khi dự án bắt đầu trả nợ gốc cho đến khi Bên vay cam kết trả hết vốn vay theo hợp đồng vay vốn;
6. *Kỳ hạn trả nợ* là khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Bên vay phải trả nợ cho Quỹ;
7. *Hợp đồng vay vốn* là hợp đồng kinh tế được ký bằng văn bản quy định về việc vay và cho vay giữa bên vay và Quỹ.

### **Điều 3. Nguyên tắc cho vay**

1. Cho vay đúng đối tượng, tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định này.
2. Hồ sơ xin vay vốn được đánh giá, xét duyệt công khai, minh bạch.
3. Quỹ cho vay để thực hiện dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của Nhà nước, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội đối với Quốc gia, ngành, vùng, địa phương..

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Tiêu chí xác định các dự án được vay vốn**

1. Dự án được vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao;
- b) Tạo việc làm và thu nhập cho 500 lao động trở lên tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;
- c) Phục vụ lợi ích cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc lĩnh vực y - dược.

2. Dự án được vay vốn với lãi suất thấp bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao, đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước không thuộc các dự án quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Ứng dụng công nghệ được chuyển giao, nhập khẩu từ nước ngoài. Ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch; dự án sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm thay thế nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu; dự án sử dụng nguyên liệu trong nước; dự án ứng dụng công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao vào các vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

### **Điều 5. Điều kiện để được xét duyệt hồ sơ vay vốn**

Quỹ xem xét và quyết định cho vay khi bên vay có đủ các điều kiện sau đây:

1. Điều kiện pháp lý của đối tượng vay vốn:
  - a) Tổ chức vay vốn phải có tư cách pháp nhân và đang hoạt động bình thường theo quy định của pháp luật;
  - b) Cá nhân vay vốn phải có đăng ký kinh doanh và không bị hạn chế quyền công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Dự án của bên vay phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận:

a) Đối với tổ chức khoa học và công nghệ, thủ trưởng cơ quan chủ quản ra quyết định phê duyệt dự án;

b) Đối với doanh nghiệp, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc giám đốc) ra quyết định phê duyệt dự án;

c) Đối với cá nhân, chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án xác nhận.

3. Tại thời điểm xem xét hồ sơ vay vốn, bên vay không có nợ xấu; đảm bảo nguồn vốn đối ứng (tối thiểu 30% tổng mức đầu tư) thực hiện dự án; thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay tại Điều 9 của Quy định này.

Cơ quan điều hành Quỹ thực hiện việc kiểm tra hành chính các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này.

### **Điều 6. Mức vốn vay**

1. Mức vốn cho vay từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước không vượt quá 20% vốn do Ngân sách Nhà nước cấp cho Quỹ.

2. Mức cho vay một dự án từ nguồn vốn của Quỹ tối đa là 70% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng. Trường hợp đặc biệt, dự án có mức vốn vay trên 10 tỷ đồng, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

3. Đối với nguồn huy động ngoài ngân sách Nhà nước, mức cho vay và dư nợ cho vay hàng năm căn cứ vào thoả thuận giữa Quỹ và tổ chức cung cấp vốn.

### **Điều 7. Thời hạn cho vay**

Thời gian cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn và khả năng trả nợ của bên vay, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nhưng tối đa không quá 36 tháng. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

### **Điều 8. Lãi suất vay**

1. Cho vay *không lấy lãi* đối với các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Cho vay với *lãi suất thấp* bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới, chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

4. Đối với trường hợp cho vay với *lãi suất ưu đãi* được thực hiện từ nguồn vốn huy động ngoài ngân sách để thực hiện các dự án, chương trình khoa học công nghệ, mức lãi suất cho vay được Quỹ công bố tại từng thời điểm, căn cứ vào thoả thuận giữa Quỹ và tổ chức tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước cho vay ưu đãi.

5. Mức lãi suất cho vay quy định tại điều này là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

## **Điều 9. Đảm bảo tiền vay**

1. Bên vay phải thực hiện các biện pháp đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật về giao dịch đảm bảo. Các biện pháp đảm bảo tiền vay gồm: cầm cố tài sản, chế chấp tài sản, sử dụng tài sản hình thành trong tương lai và các biện pháp đảm bảo khác nếu có theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian chưa trả hết nợ, bên vay hoặc bên bảo lãnh không được chuyển nhượng, bán hoặc thế chấp tài sản đã thế chấp, đã được bảo lãnh để vay vốn nơi khác.

3. Trình tự và thủ tục đảm bảo tiền vay, xử lý tài sản đảm bảo tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về đảm bảo tiền vay và theo hợp đồng vay vốn đã ký.

## **Điều 10. Hồ sơ vay vốn**

1. Tổ chức, cá nhân vay vốn của Quỹ để thực hiện các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao công nghệ phải lập hồ sơ vay vốn theo quy định của Quỹ. Hồ sơ vay vốn bao gồm:

a) Đơn đề nghị vay vốn (phụ lục 01-VV);

b) Dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp, cá nhân) hoặc đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc các văn bản pháp lý của Nhà nước về thành lập tổ chức (đối với tổ chức KH&CN) - bản sao có công chứng;

d) Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính (báo cáo tài chính, hồ sơ đảm bảo tiền vay, khả năng trả nợ gốc và lãi vay, quan hệ tín dụng với các tổ chức cho vay);

đ) Hồ sơ chứng minh năng lực quản lý, chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật thực hiện dự án;

e) Các văn bản khác có liên quan.

Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản này.

### **2. Tiếp nhận hồ sơ**

Hồ sơ vay vốn của tổ chức, cá nhân được gửi tới Cơ quan điều hành Quỹ. Cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm rà soát, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ vay vốn và tổ chức việc thẩm định hồ sơ theo quy định.

## **Điều 11. Tổ chức thẩm định dự án vay vốn**

1. Việc thẩm định hồ sơ vay vốn được thực hiện bởi Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Trong trường hợp cần thiết, Quỹ sẽ mời thêm chuyên gia có chuyên môn sâu để tư vấn cho Hội đồng thẩm định.

### **2. Hội đồng thẩm định:**

a) Hội đồng thẩm định có ít nhất 05 thành viên, trong đó có Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng, bao gồm cán bộ quản lý của Quỹ, chuyên gia tài chính, chuyên gia về khoa học công nghệ có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án;

b) Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tư vấn cho Quỹ trong việc cho vay hoặc không cho vay, mức vốn vay, thời hạn vay, lãi suất vay đối với dự án vay vốn.

c) Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham dự phiên họp, thẩm định khách quan, giữ bí mật thông tin về dự án khi chưa được cơ quan thẩm quyền công bố và tuân thủ quy định làm việc của Hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến thẩm định của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

3. Quy trình thẩm định được thực hiện theo các bước sau:

a) Thẩm định hồ sơ vay vốn.

b) Thẩm định thực tế.

c) Tổng hợp kết quả thẩm định chung và trình phê duyệt.

4. Nội dung thẩm định:

a) Sự phù hợp của dự án với phạm vi, đối tượng cho vay của Quỹ quy định tại Điều 1 và Điều 5 của Quy định này;

b) Đánh giá về mặt công nghệ, ý nghĩa về kinh tế - xã hội và các yêu cầu khác theo tiêu chí quy định tại Điều 4 của Quy định này để xác định mức ưu đãi đối với dự án;

c) Năng lực pháp lý và tổ chức điều hành; cơ sở vật chất thực hiện dự án và các hoạt động khác của đơn vị; các rủi ro tiềm ẩn...;

d) Năng lực tài chính để thực hiện dự án, tài sản đảm bảo;

đ) Phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ vay và tính khả thi của dự án;

e) Xác định mức vốn vay, thời hạn vay.

5. Thẩm định hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy trình sau đây:

a) Trước phiên họp ít nhất là 07 ngày, Cơ quan điều hành Quỹ gửi phiếu thẩm định (phụ lục 02-VV) và hồ sơ vay vốn đã đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này cho thành viên Hội đồng thẩm định và chuyên gia đánh giá trong hoặc ngoài Hội đồng.

Thành viên Hội đồng và các chuyên gia đánh giá độc lập có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, có nhận xét theo các nội dung thẩm định quy định tại Khoản 4 Điều này, gửi đến Cơ quan điều hành Quỹ 01 ngày trước phiên họp Hội đồng.

b) Phiên họp hợp lệ của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng. Trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt, phó chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp. Cơ quan điều hành Quỹ cử cán bộ của Quỹ làm thư ký hành chính giúp việc Hội đồng.

c) Tại phiên họp, Hội đồng thẩm định xem xét ý kiến đánh giá của thành viên Hội đồng, chuyên gia đánh giá độc lập và thảo luận để thống nhất đề nghị Quỹ cho vay hoặc không cho vay, mức ưu đãi, mức vốn vay, thời hạn vay đối với dự án.

Dự án được 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự phiên họp đề nghị cho vay sẽ được Hội đồng tiếp tục thẩm định thực tế.

## 6. Thẩm định thực tế

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định thực tế các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này.

## 7. Xử lý kết quả thẩm định

Trong trường hợp kết quả thẩm định thực tế có sai lệch so với kết quả thẩm định hồ sơ, không đảm bảo các điều kiện theo quy định của Quỹ, làm ảnh hưởng đến tính khả thi của dự án, Hội đồng sẽ họp, thảo luận và đề nghị về việc cho vay hoặc không cho vay đối với dự án.

## **Điều 12. Phê duyệt dự án vay vốn**

1. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng, Giám đốc Quỹ trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định tổng mức vốn vay, thời hạn và lãi suất cho vay đối với các dự án được đề nghị cho vay.

2. Cơ quan điều hành Quỹ thông báo cho bên vay quyết định của Quỹ về kết quả xét duyệt hồ sơ vay vốn.

## **Điều 13. Hợp đồng vay vốn**

1. Hợp đồng vay vốn được lập theo mẫu quy định của Quỹ (phụ lục 03-VV), bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên, địa chỉ bên cho vay (Quỹ) và bên vay, người đại diện hoặc người bảo lãnh (nếu có), số tiền vay, mục đích vay, mục đích sử dụng, cách thức và tiến độ cấp vốn vay, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức và thời hạn trả nợ, giá trị và hình thức đảm bảo tiền vay, biện pháp xử lý tài sản đảm bảo tiền vay, quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện ký hợp đồng vay vốn của Quỹ là Giám đốc Quỹ. Đại diện bên vay ký hợp đồng vay vốn là người đại diện pháp lý của Đơn vị vay vốn.

2. Hợp đồng vay được lập thành sáu (06) bản, có giá trị pháp lý như nhau và gửi cho các bên: Bên vay hai (02) bản; Cơ quan điều hành Quỹ hai (02) bản; Bên bảo lãnh vốn vay (nếu có) một (01) bản; Tòa án kinh tế sở tại một (01) bản.

## **Điều 14. Cấp vốn vay**

1. Việc cấp vốn vay được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn đã ký, phù hợp với tiến độ và nhu cầu sử dụng vốn vay của bên vay. Mỗi lần cấp vốn vay, bên vay phải ký nhận nợ vào kế hoạch vay vốn.

2. Để được cấp vốn, bên vay làm giấy đề nghị Quỹ cấp vốn, ghi rõ lý do, thời điểm sử dụng vốn cùng các tài liệu sau (bản sao công chứng):

a) Hợp đồng kinh tế, tư vấn, lao động, thuê khoán

b) Các chứng từ có liên quan khác

3. Căn cứ đề nghị của bên vay, Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện cấp vốn vay cho bên vay theo đúng các quy định nêu trên.

4. Quỹ không cho vay để thực hiện các nội dung: đền bù, giải phóng mặt bằng, thuê đất, cấp đất, chuyển quyền sử dụng đất.

## **Điều 15. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay**

1. Cơ quan điều hành Quỹ có quyền và trách nhiệm kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay, tài sản đảm bảo nợ vay, việc sử dụng vốn vay trước, trong và sau khi vay vốn để đảm bảo khoản vay được sử dụng đúng mục đích.
2. Kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay, tài sản đảm bảo nợ vay, việc sử dụng vốn vay thông qua hồ sơ, chứng từ hoặc hiện trường của bên vay vốn.

## **Điều 16. Thu nợ**

1. Quỹ khuyến khích bên vay trả nợ trước hạn. Trong trường hợp bên vay trả nợ trước hạn, lãi suất vay được tính đến thời điểm trả hết nợ vay và được ưu tiên xem xét đối với dự án vay vốn trong lần tiếp theo.

2. Đến kỳ hạn trả nợ theo quy định, bên vay phải chủ động trả nợ vốn vay cho Quỹ. Nếu bên vay không trả nợ và không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này thì Quỹ chuyển số nợ gốc đến hạn phải trả sang nợ quá hạn với lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, đồng thời bên vay phải chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp cho vay không lấy lãi, nếu bên vay không trả nợ và không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này thì Quỹ chuyển số nợ gốc đến hạn phải trả sang nợ quá hạn với lãi phạt bằng 150% lãi suất cơ bản đồng thời bên vay phải chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đã áp dụng các biện pháp thu nợ quá hạn nói trên mà bên vay vẫn không trả được nợ, Quỹ được quyền phát mại tài sản thế chấp, bảo lãnh hoặc tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

4. Trường hợp bên vay bị phá sản, bị giải thể hoặc bị chết trong khi chưa trả hết nợ cho Quỹ thì việc thu hồi nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Quỹ được quyền phát mại tài sản thế chấp, bảo lãnh hoặc tài sản hữu hình hình thành từ vốn vay để thu hồi nợ vay.

## **Điều 17. Gia hạn nợ vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ**

1. Bên vay phải trả nợ đúng hạn cho Quỹ theo hợp đồng vay vốn đã ký. Nếu vì lý do khách quan như chính sách Nhà nước thay đổi, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, phá sản hay các lý do khách quan bất khả kháng khác làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản (mức độ thiệt hại về vốn và tài sản dưới 40% so với tổng số vốn thực hiện dự án), bên vay thực sự gặp khó khăn trong quá trình thực hiện dự án chưa thể trả được nợ vay đầy đủ theo hợp đồng vay vốn, trước kỳ hạn trả nợ một tháng, bên vay phải có văn bản gửi Quỹ giải trình rõ lý do không trả được nợ, đề xuất biện pháp tạo nguồn trả nợ và đề nghị gia hạn nợ vay.

2. Trường hợp vì nguyên nhân khác, bên vay không trả nợ vay đúng kỳ hạn theo hợp đồng vay vốn, bên vay phải có văn bản gửi Quỹ giải trình rõ lý do và đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Nếu bên vay không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì số nợ đến hạn phải trả được chuyển sang nợ quá hạn.

3. Căn cứ hồ sơ xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ của bên vay, Cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, xem xét và trình Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ



quyết định gia hạn nợ, trình Giám đốc Quỹ quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời gian cho mỗi lần gia hạn nợ không quá 1/3 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng vay vốn. Tổng thời gian gia hạn nợ của một dự án không vượt quá thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng vay vốn.

Đối với trường hợp cho vay không lấy lãi, bên vay chỉ được gia hạn một lần không tính lãi suất. Các lần gia hạn sau, bên vay phải chịu lãi suất vay bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ.

### **Điều 18. Khoanh nợ, xoá nợ**

1. Do nguyên nhân khách quan như chính sách Nhà nước thay đổi, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, phá sản hay các lý do khách quan bất khả kháng khác làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản (mức độ thiệt hại về vốn và tài sản từ 40% trở lên so với tổng số vốn thực hiện dự án), bên vay không có khả năng trả nợ thì được Quỹ xem xét khoanh nợ. Thời hạn khoanh nợ không vượt quá thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng vay vốn đã ký. Trong thời gian khoanh nợ, bên vay không phải trả tiền lãi vay cho Quỹ.

2. Bên vay bị rủi ro vì nguyên nhân khách quan đã được gia hạn nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 17, khoanh nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi hết thời gian gia hạn nợ, khoanh nợ mà bên vay vẫn không có khả năng trả hết nợ vay, Quỹ sẽ áp dụng các biện pháp thu nợ theo quy định. Trong trường hợp sau khi đã xử lý hết các tài sản đảm bảo, tiền bảo hiểm, các tài sản khác (nếu có) mà bên vay vẫn không trả hết nợ, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính xem xét miễn, giảm lãi vay theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, xoá một phần hoặc toàn bộ nợ gốc của dự án cho bên vay.

3. Khoản nợ vay được xoá nợ gốc theo quy định tại điểm 2 của Điều này được ghi giảm nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

## **Chương III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

### **Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ**

1. Yêu cầu bên vay cung cấp tài liệu liên quan đến dự án theo quy định của Quỹ;
2. Thẩm định hồ sơ vay vốn;
3. Từ chối cho vay nếu dự án không đủ điều kiện theo quy định của Quỹ;
4. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của bên vay; kiểm tra tài sản đảm bảo tiền vay, tài sản bảo lãnh khi cần thiết;
5. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ vay trước thời hạn khi phát hiện bên vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng vay vốn đã ký;
6. Khởi kiện khi bên vay vi phạm hợp đồng vay vốn;
7. Gia hạn nợ theo quy định;
8. Phát mại tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

9. Lưu giữ, bảo quản hồ sơ vay vốn, hồ sơ thế chấp, phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Sử dụng dịch vụ của các tổ chức tài chính (bảo lãnh, uỷ thác và các dịch vụ khác) để thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động nghiệp vụ tín dụng trong trường hợp cần thiết.

#### **Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của bên vay**

1. Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn; khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng vay vốn theo quy định của pháp luật;

2. Yêu cầu cấp vốn vay khi có đủ điều kiện cấp vốn;

3. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn;

4. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, sử dụng vốn vay cho Quỹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Quỹ; tạo điều kiện để tổ chức cho vay thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay; gửi đủ báo cáo tình hình thực hiện dự án và sử dụng vốn vay, báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm cho Quỹ trong suốt thời gian chưa trả hết nợ vay;

5. Trả nợ vốn vay theo các thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn;

6. Báo cáo kết quả thực hiện dự án cho Quỹ sau khi dự án kết thúc.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm thỏa thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm tiền vay đã cam kết trong hợp đồng vay vốn.

#### **Điều 21. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Giám đốc điều hành Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện của Cơ quan điều hành Quỹ theo Quy định.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

3. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

**CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Lê Đình Tiến**

